

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 776/QĐ-DHCN ngày 2 tháng 08 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình	: Cử nhân Kế toán
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kế toán
Mã số	: DH3403011
Hình thức đào tạo	: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung

- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, bồi dưỡng nhân tài; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và theo hướng nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; Có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng tổng hợp, phân tích để giải quyết những vấn đề liên quan đến kế toán, tài chính trong doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế; Có trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và môi trường kinh doanh.

b) Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất/thái độ:

MT1: Có hiểu biết về chính trị, xã hội; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế phù hợp với chuyên ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng;

MT2: Có kiến thức cơ bản về toán học, thống kê là cơ sở nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

MT3: Có hiểu biết chuyên sâu về kiến thức cơ sở ngành kế toán (như kinh tế học, marketing, thống kê, tài chính, pháp luật kinh doanh...), tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với các thay đổi của mô hình quản lý và môi trường kinh doanh;

MT4: Có kiến thức chuyên ngành đáp ứng được nhu cầu của xã hội về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế; Tổ chức, thực hiện công tác kế toán của các doanh nghiệp; Kế toán trong đơn vị công; Có khả năng lập và phân tích báo cáo tài chính, lập kế hoạch tài chính, quyết toán thuế, tư vấn và quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

MT5: Có kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm đủ để làm việc trong môi trường kinh doanh năng động và hội nhập quốc tế; Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

MT6: Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (theo năng lực)

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo					
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
a.	Có khả năng giải quyết được các bài toán cơ bản liên quan đến mô hình toán, xác suất thống kê và kinh tế lượng trong lĩnh vực kinh tế - kế toán, kiểm toán - tài chính		<input checked="" type="checkbox"/>				
b.	Có khả năng thảo luận được các vấn đề về lý luận chính trị, khoa học kinh tế - xã hội; Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.	<input checked="" type="checkbox"/>				<input checked="" type="checkbox"/>	
c.	Có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (kinh tế học, marketing, thông kê, tài chính, pháp luật trong kinh doanh) và chuyên ngành (Kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán và thuế) vào việc tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp.			<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
d.	Có khả năng lập luận và giải quyết được các vấn đề khi vận dụng luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế.				<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
e.	Có khả năng cung cấp và tư vấn cho nhà quản lý các thông tin kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh, tài chính doanh nghiệp, thuế và kiểm toán trong doanh nghiệp.				<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
f.	Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình thực hiện công việc như: kỹ năng thuyết trình, phản biện, kỹ năng làm việc theo nhóm và giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.				<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
g.	Có khả năng hình thành tư duy bao quát hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, thứ tự ưu tiên, vấn đề nảy sinh và tương tác giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, từ đó đưa ra các phương án tối ưu.					<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
h.	Có khả năng hình thành và thực hiện được đức tính cá nhân, nghề nghiệp như: kiên trì, linh hoạt trong công việc, chấp nhận đương đầu rủi ro; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; tự đánh giá và có ý thức tự học tập, rèn luyện suốt đời; tổ chức hoạt động nhóm phù hợp với công việc				<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo					
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
i.	Nhận thức và thực hiện được các trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp.				<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
j.	Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.	<input checked="" type="checkbox"/>			<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

1.3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, người học có thể làm việc tốt tại các vị trí sau:

- Kế toán tổng hợp, kế toán các phân hành (kế toán tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho,..) trong phòng kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp;
- Nhân sự cho các công ty hành nghề dịch vụ kế toán, kiểm toán;
- Chuyên viên bộ phận kiểm toán nội bộ của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại;
- Kiểm soát viên, thanh tra viên, kế toán viên trong các đơn vị công;
- Chuyên viên phụ trách công tác tài chính trong các đơn vị;
- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý hoạt động kế toán, kiểm toán của Nhà nước;
- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, Giảng viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo khối ngành kinh doanh - quản lý, ngành kế toán, kiểm toán.

1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
- Đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao xác định theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 143 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-ĐHCN ngày 9 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm: Thang điểm chữ theo Quy chế kèm theo Quyết định số 787/QĐ-ĐHCN ngày 9 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41	34,0	7,0	0,0
I.1		Lý luận chính trị	11	11,0	0,0	0,0
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3	3,0	0,0	0,0
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2,0	0,0	0,0
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2,0	0,0	0,0
4	LP6013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2,0	0,0	0,0
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2,0	0,0	0,0
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	4	4,0	0,0	0,0
I.2.1		Kiến thức bắt buộc	4	4,0	0,0	0,0
1	LP6003	Pháp luật đại cương	2	2,0	0,0	0,0
2	AA6031	Nhập môn Kế toán, Kiểm toán	2	2,0	0,0	0,0
I.3		Ngoại ngữ	5	5,0	0,0	0,0
1	FL6160	Tiếng Anh Thương mại 1*	5	5,0	0,0	0,0
2	FL6161	Tiếng Anh Thương mại 2*	5	5,0	0,0	0,0
3	FL6162	Tiếng Anh Thương mại 3*	5	5,0	0,0	0,0
4	FL6163	Tiếng Anh Thương mại 4*	5	5,0	0,0	0,0
5	FL6164	Tiếng Anh Thương mại 5*	5	5,0	0,0	0,0
6	FL6165	Tiếng Anh Thương mại*	5	5,0	0,0	0,0
I.4		Toán học và Khoa học tự nhiên	9	9,0	0,0	0,0
I.4.1		Kiến thức bắt buộc	6	6,0	0,0	0,0
1	BS6010	Giải tích.	2	2,0	0,0	0,0
2	BS6009	Đại số tuyến tính.	2	2,0	0,0	0,0
3	BS6012	Lý thuyết xác suất	2	2,0	0,0	0,0
I.4.2	TcKT1	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)	3	3,0	0,0	0,0
1	BS6013	Mô hình toán	3	3,0	0,0	0,0
2	BS6011	Kinh tế lượng	3	3,0	0,0	0,0
I.5	TcGDTC	Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)	4	0,0	4,0	0,0
1	PE6017	Bóng bàn 1	1	0,0	1,0	0,0
2	PE6018	Bóng bàn 2	1	0,0	1,0	0,0
3	PE6001	Aerobic 1	1	0,0	1,0	0,0
4	PE6002	Aerobic 2	1	0,0	1,0	0,0
5	PE6003	Bóng chuyền 1	1	0,0	1,0	0,0
6	PE6004	Bóng chuyền 2	1	0,0	1,0	0,0
7	PE6005	Bơi 1	1	0,0	1,0	0,0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
8	PE6006	Bơi 2	1	0,0	1,0	0,0
9	PE6031	Cầu mây 1	1	0,0	1,0	0,0
10	PE6032	Cầu mây 2	1	0,0	1,0	0,0
11	PE6029	Đá cầu 1	1	0,0	1,0	0,0
12	PE6030	Đá cầu 2	1	0,0	1,0	0,0
13	PE6021	Bóng rổ 1	1	0,0	1,0	0,0
14	PE6022	Bóng rổ 2	1	0,0	1,0	0,0
15	PE6027	Bóng đá 1	1	0,0	1,0	0,0
16	PE6028	Bóng đá 2	1	0,0	1,0	0,0
17	PE6025	Cầu lông 1	1	0,0	1,0	0,0
18	PE6026	Cầu lông 2	1	0,0	1,0	0,0
19	PE6011	Karate 1	1	0,0	1,0	0,0
20	PE6012	Karate 2	1	0,0	1,0	0,0
21	PE6013	Khiêu vũ 1	1	0,0	1,0	0,0
22	PE6014	Khiêu vũ 2	1	0,0	1,0	0,0
23	PE6015	Pencak Silat 1	1	0,0	1,0	0,0
24	PE6016	Pencak Silat 2	1	0,0	1,0	0,0
25	PE6019	Tennis 1	1	0,0	1,0	0,0
26	PE6020	Tennis 2	1	0,0	1,0	0,0
I.6		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5,0	3,0	0,0
1	DC6001	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2,0	0,0	0,0
2	DC6003	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0,0	3,0	0,0
3	DC6002	Đường lối quân sự của Đảng	3	3,0	0,0	0,0
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	102	76,0	10,0	16,0
II.1		Kiến thức cơ sở	50	45,0	4,0	1,0
II.1.1		Kiến thức cơ sở khối ngành	30	30,0	0,0	0,0
II.1.1.1		Kiến thức bắt buộc	27	27,0	0,0	0,0
1	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3,0	0,0	0,0
2	BM6021	Kinh tế học vi mô	3	3,0	0,0	0,0
3	BM6022	Kinh tế học vĩ mô	3	3,0	0,0	0,0
4	BM6035	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3,0	0,0	0,0
5	AA6030	Nguyên lý kế toán	3	3,0	0,0	0,0
6	BM6057	Quản trị học	3	3,0	0,0	0,0
7	BM6036	Lý thuyết thống kê	3	3,0	0,0	0,0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
8	LP6008	Luật kinh tế	3	3,0	0,0	0,0
9	BM6037	Marketing căn bản	3	3,0	0,0	0,0
II.1.1.2	TcKT2	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)	3	3,0	0,0	0,0
1	AA6033	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	3	3,0	0,0	0,0
2	BM6076	Thị trường chứng khoán.	3	3,0	0,0	0,0
3	BM6066	Tài chính công	3	3,0	0,0	0,0
II.1.2		Kiến thức cơ sở ngành	20	15,0	4,0	1,0
II.1.2.1		Kiến thức bắt buộc	15	10,0	4,0	1,0
1	AA6021	Kế toán trong kinh doanh (F1-Accountant in Business, ACCA)	3	3,0	0,0	0,0
2	BM6064	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	1,0	2,0	0,0
3	AA6035	Thuế và kế toán thuế 1	3	2,0	1,0	0,0
4	AA6028	Lý thuyết kiểm toán	3	3,0	0,0	0,0
5	AA6006	Đề án môn học	3	1,0	1,0	1,0
II.1.2.2	TcKT3	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 5 tín chỉ)	5	5,0	0,0	0,0
II.1.2.2.1	TcKT31	Nhóm 31 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)	3	3,0	0,0	0,0
1	AA6036	Thuế và kế toán thuế 2	3	3,0	0,0	0,0
2	AA6022	Kiểm soát nội bộ	3	3,0	0,0	0,0
3	BM6048	Quản lý danh mục đầu tư	3	3,0	0,0	0,0
II.1.2.2.2	TcKT32	Nhóm 32 (Chọn tối thiểu 2 tín chỉ)	2	2,0	0,0	0,0
1	AA6029	Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán	2	2,0	0,0	0,0
2	BM6054	Quản trị doanh nghiệp	2	2,0	0,0	0,0
3	BM6061	Quản trị rủi ro	2	2,0	0,0	0,0
II.2		Kiến thức chuyên ngành	37	31,0	6,0	0,0
II.2.1		Kiến thức bắt buộc	27	22,0	5,0	0,0
1	AA6017	Kế toán tài chính 1	4	4,0	0,0	0,0
2	AA6018	Kế toán tài chính 2	3	3,0	0,0	0,0
3	AA6026	Lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp	3	2,0	1,0	0,0
4	AA6037	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2	0,0	2,0	0,0
5	AA6032	Phân tích báo cáo tài chính	3	2,0	1,0	0,0
6	AA6011	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3,0	0,0	0,0
7	AA6024	Kiểm toán tài chính	3	2,0	1,0	0,0
8	AA6014	Kế toán quản trị 1 (F2 -Management Accounting (ACCA)	3	3,0	0,0	0,0
9	AA6019	Kế toán tài chính quốc tế (F3 - Financial Accounting (ACCA)	3	3,0	0,0	0,0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
II.2.2	TcKT4	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 6 tín chỉ)	10	9,0	1,0	0,0
II.2.2.1	TcKT41	Nhóm 41 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)	3	2,0	1,0	0,0
1	AA6007	Hệ thống thông tin kế toán	3	2,0	1,0	0,0
2	AA6034	Tổ chức công tác kế toán	3	2,0	1,0	0,0
3	AA6023	Kiểm soát quản lý	3	2,0	1,0	0,0
II.2.2.2	TcKT42	Nhóm 42 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)	3	3,0	0,0	0,0
1	AA6001	Báo cáo tài chính quốc tế (F7 - Financial Reporting (ACCA))	3	3,0	0,0	0,0
2	AA6008	Kế toán công ty	3	3,0	0,0	0,0
3	AA6010	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	3,0	0,0	0,0
II.2.2.3	TcKT43	Nhóm 43 (Chọn tối thiểu 2 tín chỉ)	2	2,0	0,0	0,0
1	AA6015	Kế toán quản trị 2 (F5 - Performance Management (ACCA))	2	2,0	0,0	0,0
2	AA6027	Lập và trình bày báo cáo trong đơn vị sự nghiệp	2	2,0	0,0	0,0
3	BM6016	Kế toán ngân hàng	2	2,0	0,0	0,0
II.2.2.4	TcKT44	Nhóm 44 (Chọn tối thiểu 2 tín chỉ)	2	2,0	0,0	0,0
1	AA6005	Chuyên đề Kế toán trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu	2	2,0	0,0	0,0
2	AA6004	Chuyên đề Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp	2	2,0	0,0	0,0
3	AA6003	Chuyên đề Kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	2,0	0,0	0,0
II.3		Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)	15	0,0	0,0	15,0
1	AA6038	Thực tập doanh nghiệp (Kế toán)	6	0,0	0,0	6,0
2	AA6025	Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	9	0,0	0,0	9,0
		Tổng toàn khóa (Tín chỉ)	143	110,0	17,0	16,0

Ghi chú:

- Các học phần " Tiếng Anh Thương mại 1"; " Tiếng Anh Thương mại 2"; " Tiếng Anh Thương mại 3"; " Tiếng Anh Thương mại 4" và " Tiếng Anh Thương mại 5" không tính khối lượng tích lũy tín chỉ của chương trình đào tạo.

- "*" : sinh viên có thể đăng ký học thay thế bằng các học phần Tiếng Trung Quốc; hoặc Tiếng Hàn Quốc; hoặc Tiếng Nhật (nếu có).

8. Tiến trình đào tạo

